

## **ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN**

**Đỗ Văn Nhạ<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Phong Thu<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>*Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

<sup>2</sup>*Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Tô Hiệu, Hưng Yên*

*Email\* : dvnha@vnua.edu.vn*

Ngày gửi bài: 10.10.2016

Ngày chấp nhận: 10.01.2017

### **TÓM TẮT**

Sử dụng đất nông nghiệp có vai trò quan trọng trong việc tạo ra sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp hàng hoá. Những năm gần đây, sử dụng đất nông nghiệp của huyện Ân Thi đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ theo hướng hiệu quả ngày càng cao. Mục tiêu nghiên cứu là chỉ ra được các kiểu sử dụng đất hiệu quả làm, cơ sở cho định hướng sử dụng đất trong tương lai của địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, toàn huyện có 5 loại hình sử dụng đất (LUT) với 17 kiểu sử dụng đất. Một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả cao, như: 2 lúa + bí xanh, 2 lúa + cà chua, chuyên rau màu, cây ăn quả và chuyên cá. Một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế cao nhưng lại ảnh hưởng đến môi trường do sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vượt quá ngưỡng khuyến cáo như cây rau, màu. Như vậy, kết quả đánh giá hiệu quả là cơ sở cho việc định hướng sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả trong tương lai của địa phương.

Từ khoá: Sử dụng đất nông nghiệp, loại hình sử dụng đất, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp.

### **Assessing Efficiency of Agricultural Land Use in An Thi District, Hung Yen Province**

#### **ABSTRACT**

Agricultural land use plays the vital role in producing agricultural products and agricultural commodities. Recently, agricultural land use has changed significantly towards higher efficiency in An Thi District. The research objective was to assess the efficiency of sub-land use types to serve as basis for the orientation of agricultural land use in the district. The results showed that there were 5 Land Use Types (LUTs) with 17 sub-LUTs. Some agricultural sub-LUTs were assessed with high level of efficiency, such as 2 rice crops + squash, 2 rice crops + tomato, vegetable crop, fruit tree and fish. Some agricultural sub-LUTs had high economic efficiency, however, they affected the environment because of the overuse of fertilizer and pesticides, such as vegetable crops. Therefore, the results of assessment might serve as a good basis for the orientation of agricultural land use towards efficiency in the future.

Keywords: Agricultural land use, Land use type (LUT), efficiency of agricultural land use.

#### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Sử dụng đất nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với vùng nông thôn, nó tạo ra sản lượng nông sản như lương thực, thực phẩm liên quan trực tiếp tới thu nhập và đời sống của người nông dân (Nguyễn Văn Sánh, 2009; Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Bé Ba, 2011). Bên cạnh đó, sử

dụng đất nông nghiệp còn góp phần phát triển nông nghiệp sinh thái và phát triển bền vững (Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng, 2001). Những năm gần đây cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường thì sử dụng đất nông nghiệp cũng có sự chuyển dịch quan trọng tạo ra nhiều sản phẩm theo hướng hàng hoá nhằm tăng thu nhập của người nông dân (Đỗ Văn Nhạ, Trần Thanh Toàn,

2016) và phát triển nông nghiệp sinh thái (Vũ Thị Kim Cúc, 2014). Sử dụng đất nông nghiệp theo hướng có hiệu quả cao được dựa trên cơ sở các kiểu sử dụng đất hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường (Nguyễn Khắc Việt Ba và cs., 2016).

Huyện Ân Thi nằm phía Đông của tỉnh Hưng Yên với các điều kiện tự nhiên như vị trí địa lý, đất đai thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Hiện nay, sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành quan trọng, chiếm tỷ trọng cao (chiếm 33,8%), là nguồn thu chủ yếu của người dân địa phương. Diện tích trồng lúa những năm gần đây đang có xu hướng giảm dần, diện tích một số kiểu sử dụng đất trồng cây ăn quả, nuôi cá, rau màu ngày càng tăng. Nhiều xã đã chuyển đổi rất mạnh từ đất chuyên lúa sang nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng cây ăn quả. Từ đó tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá góp phần hình thành thành một nền kinh tế hàng hóa đa dạng trong huyện. Từ thực tế trên, mục tiêu là đánh giá những kiểu sử dụng đất nào có hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở đó đề xuất sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả tại địa phương. Tuy nhiên, hiệu quả phụ thuộc vào nhiều yếu tố dẫn đến có sự thay đổi theo thời gian, giá cả hàng hoá, nhu cầu thị trường... Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa lớn trong việc sử dụng đất nông nghiệp theo hướng hiệu quả tổng hợp tại vùng nghiên cứu và các vùng nông nghiệp khác.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phân vùng chọn điểm nghiên cứu

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, đặc điểm đất đai và hệ thống cây trồng, huyện Ân Thi được chia thành 2 tiểu vùng chính sau:

Tiểu vùng 1: gồm các xã ở trung tâm và 06 xã ở phía Bắc của huyện, phân bố dọc kênh Bắc Hưng Hải, là tiểu vùng có địa hình bằng phẳng, chủ động tưới tiêu, dinh dưỡng trong đất cao. Tiểu vùng này thích hợp cho trồng cây rau màu và cây lương thực. Nghiên cứu đã chọn 2 xã làm điểm điều tra chi tiết là xã Bãi Sậy và xã Bảo Dương, vì vùng này cơ cấu cây trồng đa dạng nên chọn 1 xã tại vùng trung tâm huyện và 1 xã vùng phía bắc sẽ bảo đảm đủ các kiểu sử dụng đất đại diện cho tiểu vùng.

- Tiểu vùng 2: bao gồm 5 xã ở phía Nam của huyện, tiểu vùng này có địa hình thấp, trũng, dinh dưỡng trong đất nghèo, khả năng sản xuất kém. Tiểu vùng này người dân chủ yếu trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và trồng cây ăn quả như nhãn, bưởi... Tiểu vùng này cơ cấu cây trồng không đa dạng như tiểu vùng 1 nên chọn 1 xã là xã Hạ Lễ để tiến hành điều tra chi tiết.

### 2.2. Điều tra thu thập số thứ cấp

Thu thập tài liệu, số liệu có sẵn từ các cơ quan nhà nước, như: phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Thống kê...

Thu thập số liệu về đất đai, diện tích, cơ cấu, thành phần từng loại đất... tại phòng Tài nguyên và Môi trường.

Thu thập số liệu về cây trồng, cơ cấu mùa vụ, năng suất các loại cây trồng tại phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Số liệu tổng hợp về chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội tại địa phương được thu thập tại phòng Thống kê.

### 2.3. Điều tra thu thập số liệu sơ cấp

Các hộ điều tra là những hộ tham gia trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc 3 xã đại diện cho 2 tiểu vùng nghiên cứu là xã Bãi Sậy, xã Bảo Dương (Tiểu vùng 1), xã Hạ Lễ (Tiểu vùng 2). Mỗi xã tiến hành điều tra 30 hộ và tổng số hộ điều tra là 90 hộ theo phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp. Nội dung điều tra hộ chủ yếu là loại cây trồng, diện tích, năng suất cây trồng, chi phí sản xuất, lao động, lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong sản xuất.

### 2.4. Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

#### a. Chỉ tiêu hiệu quả kinh tế

- Giá trị sản xuất (GTSX): là toàn bộ giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ được tạo ra trong một chu kỳ sản xuất trên một đơn vị diện tích.  $GTSX = \text{Sản lượng sản phẩm} \times \text{Giá thành sản phẩm}$ .

- Chi phí trung gian (CPTG): là toàn bộ các khoản chi phí vật chất bằng tiền mà chủ hộ bỏ

ra thuê và mua các yếu tố đầu vào và dịch vụ sử dụng trong quá trình sản xuất.

- Giá trị gia tăng (GTGT): là hiệu số của giá trị sản xuất với chi phí trung gian.

- Hiệu quả đồng vốn (HQĐV): được tính bằng GTGT/TPTG

*b. Chỉ tiêu hiệu quả xã hội*

Để đánh giá hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất căn cứ vào một số chỉ tiêu như khả năng thu hút lao động (Ngày công lao động - CLĐ), giải quyết việc làm đảm bảo thu nhập thường xuyên cho nông dân (Giá trị ngày công lao động - GTNCLĐ: Tính bằng giá trị gia tăng/tổng số công lao động).

*c. Chỉ tiêu hiệu quả môi trường*

Trong trường hợp nghiên cứu này chỉ xem xét đánh giá hiệu quả môi trường của từng kiểu sử dụng đất dựa trên việc cho điểm của 2 tiêu chí, đó là: mức độ sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác. Các tiêu chí đưa ra được dựa trên khả năng ảnh hưởng hiện tại và lâu dài đối với môi trường trong quá trình sử dụng đất.

Mức độ phân cấp chỉ tiêu đánh giá căn cứ vào kết quả thực tế của các hộ sử dụng đất nông nghiệp với 3 cấp: Cao, thấp và trung bình, tương ứng với mức điểm 3, 2, và 1

*d. Đánh giá hiệu quả chung của các kiểu sử dụng đất*

Mức phân cấp tổng hợp được dựa trên cơ sở tổng hợp của 3 nhóm tiêu chí kinh tế, xã hội và môi trường. Phần khoảng được chia tương đối đều giữa 3 khoảng như sau:

LUT đạt hiệu quả cao có số điểm 15 - 21 điểm.

LUT đạt hiệu quả trung bình có số điểm từ 7 - 14 điểm.

LUT đạt hiệu quả thấp có số điểm nhỏ hơn < 7 điểm.

**2.5. Phương pháp so sánh**

Phương pháp này nhằm so sánh một số kết quả về tình hình sử dụng đất, biến động đất đai, hiệu quả của các kiểu sử dụng đất trong vùng nghiên cứu. Cụ thể là so sánh các chỉ tiêu sau: Hiện trạng và biến động đất đai, hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường của các kiểu sử dụng đất.

**Bảng 1. Phân cấp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế (Tính cho 1 ha)**

Cấp đánh giá	Thang điểm	GTSX (Triệu đồng)	GTGT (Triệu đồng)	HQĐV (Lần)
Cao	3	> 200	> 150	> 1,5
Trung bình	2	150 - 200	100 - 150	1 - 1,5
Thấp	1	<150	< 100	< 1

**Bảng 2. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội (Tính cho 1 ha)**

Cấp đánh giá	Thang điểm	CLĐ (Công)	GTNCLĐ (Nghìn đồng)
Cao	3	> 550	> 200
Trung bình	2	400 - 550	125 - 200
Thấp	1	< 400	< 125

**Bảng 3. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường**

Cấp đánh giá	Thang điểm	Mức sử dụng phân bón	Mức sử dụng thuốc BTV
Cao	3	Nằm trong định mức	Nằm trong định mức
Trung bình	2	Dưới định mức	Dưới định mức
Thấp	1	Vượt quá định mức	Vượt quá định mức

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Ân Thi

Huyện Ân Thi có vị trí tương đối thuận lợi của tỉnh Hưng Yên, như gần thành phố Hưng Yên, có QL5B, QL38 và tỉnh lộ 200 chạy qua. Điều kiện tự nhiên của huyện nhìn chung thuận lợi cho phát triển nông nghiệp như đất đai màu mỡ, nguồn nước thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và gần các trung tâm lớn thuận lợi cho việc bán sản phẩm nông nghiệp.

Kinh tế của huyện trong những năm qua đã có những bước phát triển ổn định vững chắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng tăng: giai đoạn 2011-2015 đạt mức trung bình 11,36% (UBND huyện Ân Thi, 2015a). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng phi nông nghiệp, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2015, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm 33,8%, công nghiệp xây dựng chiếm 35,2%, dịch vụ thương mại chiếm 31% (UBND huyện Ân Thi, 2015 a,c).

Năm 2015, dân số toàn huyện là 144.353 người, mật độ dân số là 1.121 người/km<sup>2</sup> (UBND huyện Ân Thi, 2015c). Huyện có mạng lưới cơ sở hạ tầng thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt, thực hiện các tiêu chí nông thôn mới đã làm cho cơ sở hạ tầng xã hội được cải thiện, làm cho đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng tốt hơn. Điều kiện kinh tế xã hội của huyện có tác động tích cực đối với sử dụng đất nông nghiệp, cụ thể như tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng cho nông nghiệp, nâng cao trình độ của người lao động.

#### 3.2. Thực trạng sử dụng đất nông nghiệp

##### 3.2.1. Hiện trạng và biến động trong sử dụng đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp là 9.108,15 ha (UBND huyện Ân Thi, 2015b), hiện nay đã và đang tập trung phát triển một số cây trồng chính như lúa, cây rau màu, nuôi trồng thủy sản và cây ăn quả.

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2015, diện tích đất nông nghiệp của huyện đã tăng là 34,33 ha, trong đó đất trồng lúa và cây hàng năm khác giảm khá lớn với 388,35 ha và 357,31 ha. Ngược lại đất trồng cây lâu năm tăng 307,26 ha, đất nuôi trồng thủy sản tăng là 57,78 ha.

##### 3.2.2. Hiện trạng các loại hình sử dụng đất (LUT)

Các loại hình sử dụng đất, các kiểu sử dụng đất được thu thập trên cơ sở những tài liệu cơ bản của huyện, kết quả điều tra trực tiếp nông hộ, được thể hiện trong bảng 5. Như vậy, toàn huyện có 5 loại hình sử dụng đất (LUT) chính với 17 kiểu sử dụng đất khác nhau.

Kết quả cho thấy loại hình sử dụng đất chuyên lúa vẫn chiếm diện tích lớn nhất (65%). Các loại hình sử dụng đất khác như rau màu, chuyên cá và cây ăn quả chiếm diện tích thấp hơn, nhưng đang có xu hướng tăng dần do nhu cầu của thị trường. Tiểu vùng 1 có 14 kiểu sử dụng đất với sự đa dạng của kiểu sử dụng đất 2 lúa + màu, diện tích nuôi cá cũng chiếm gần 7% diện tích. Tiểu vùng 2 với 8 kiểu sử dụng đất, ngoài chuyên lúa thì cây nhãn, nuôi cá và cây ngô là những kiểu sử dụng đất chính của tiểu vùng.

**Bảng 4. Hiện trạng và biến động sử dụng đất nông nghiệp**

Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2010 (ha)	Diện tích năm 2015 (ha)	So sánh Tăng (+) Giảm (-)
<b>Diện tích đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>9.073,82</b>	<b>9.108,15</b>	<b>+34,33</b>
Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	8.496,15	8.446,10	-50,05
Đất trồng cây hàng năm	CHN	8.292,02	7.934,71	-357,31
Đất trồng lúa	LUA	8.265,77	7.877,42	-388,35
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	26,25	57,29	+31,04
Đất trồng cây lâu năm	CLN	204,13	511,39	+307,26
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	568,06	625,84	+57,78
Đất nông nghiệp khác	NKH	9,61	36,21	+26,60

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ân Thi

**Bảng 5. Hiện trạng các loại hình sử dụng đất huyện Ân Thi**

LUT	Tiểu vùng 1		Tiểu vùng 2	
	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
<b>I. Chuyên lúa</b>				
1. Lúa xuân - Lúa mùa	4479,59	65,51	1492,31	66,78
<b>II. Lúa - màu</b>				
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	300,00	4,39	175,00	7,81
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai tây	364,95	5,34		
4. Lúa xuân - Lúa mùa - Đậu tương	185,25	2,71		
5. Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh	377,25	5,52		
6. Lúa xuân - Lúa mùa - Su hào	162,78	2,38		
7. Lúa xuân - Lúa mùa - Bắp cải	188,29	2,75		
8. Lúa xuân - Lúa mùa - Cà chua			152,00	6,78
<b>III. Chuyên rau - màu</b>				
9. Bí xanh - Đổ ăn quả - Khoai tây	7,45	0,11		
10. Cà chua - Đổ ăn quả - Su hào	10,25	0,14		
11. Cà chua - Rau cải các loại - Súp lơ	11,51	0,16		
12. Chuyên rau	11,80	0,17		
13. Ngô xuân - Đậu tương - Ngô đông			8,03	0,35
14. Lạc - Đậu tương - Rau cải các loại			8,25	0,36
<b>IV. Cây ăn quả</b>				
15. Nhãn	186,85	2,73	168,84	7,54
16. Bưởi	86,86	1,27	68,84	3,07
<b>V. Nuôi trồng thủy sản</b>				
17. Chuyên cá	463,25	6,77	162,59	7,26
<b>Tổng</b>	<b>6833,08</b>	<b>100</b>	<b>2238,86</b>	<b>100</b>

Nguồn: Số liệu điều tra 2015

### 3.3. Đánh giá hiệu quả của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp huyện Ân Thi

#### a. Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất với các chỉ tiêu thể hiện trong bảng 6.

\* Tiểu vùng 1: Trong tiểu vùng này có 14 kiểu sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế khác nhau. Các kiểu sử dụng đất luân canh với cây rau màu như 2 lúa + bí xanh, bắp cải; cà chua + rau, cây ăn quả và cá cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với các kiểu sử dụng đất khác.

\* Tiểu vùng 2: Đây là vùng đất trũng, đất đai kém chất lượng hơn tiểu vùng 1. Kết quả cho thấy có 8 kiểu sử dụng đất, trong đó cao nhất vẫn là nuôi

cá và 2 lúa + cà chua. Còn lại các kiểu sử dụng đất chuyên lúa, lúa + ngô và ngô + đậu tương và cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế thấp hơn.

Hiệu quả kinh tế được đánh giá tại thời điểm điều tra, nó sẽ thay đổi phụ thuộc vào giá cả, nhu cầu của người tiêu dùng, do vậy việc đánh giá này quan trọng khi có sự thay đổi về những yếu tố trên.

#### b. Hiệu quả xã hội

Đánh giá hiệu quả xã hội của một kiểu sử dụng đất thường rất phức tạp và khó định lượng, chỉ đánh giá được tại thời điểm điều tra và có sự biến động nhanh chóng. Trong trường hợp nghiên cứu tại địa bàn huyện Ân Thi, 2 tiêu chí được sử dụng để đánh giá đó là công lao động tính trên hecta và giá trị ngày công lao động.

**Bảng 6. Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất (Tính cho 1 ha)**

LUTs	GTSX (Tr.đ)	CPTG (Tr.đ)	GTGT (Tr.đ)	HQĐV (lần)
<b>Tiểu vùng 1</b>				
I. Chuyên lúa				
1. Lúa xuân - Lúa mùa	80,85	37,50	43,35	1,15
II. Lúa - màu				
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	105,85	49,58	56,27	1,13
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai tây	125,3	62,22	65,57	1,09
4. Lúa xuân - Lúa mùa - Đậu tương	124,18	59,73	61,96	0,99
5. Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh	216,85	62,22	157,99	2,68
6. Lúa xuân - Lúa mùa - Su hào	180,85	73,31	107,54	1,14
7. Lúa xuân - Lúa mùa - Bắp cải	188,91	73,31	115,60	1,57
III. Chuyên rau màu				
8. Bí xanh - Đổ ăn quả - Khoai tây	200,45	54,29	146,16	2,69
9. Cà chua - Đổ ăn quả - Su hào	220,00	67,59	152,41	2,25
10. Cà chua - Rau cải các loại - Súp lơ	262,10	67,59	194,51	2,87
11. Chuyên rau	278,78	97,78	181,00	1,94
VI. Cây ăn quả				
12. Nhãn	112,00	16,80	95,20	5,66
13. Bưởi	125,00	39,00	86,00	2,20
V. Nuôi trồng thủy sản				
14. Chuyên cá	175,00	57,40	117,60	2,04
<b>Tiểu vùng 2</b>				
I. Chuyên lúa				
1. Lúa xuân - Lúa mùa	78,52	37,50	41,02	1,09
II. Lúa - màu				
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	103,52	49,58	53,94	1,13
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Cà chua	178,52	42,16	136,36	3,23
III. Chuyên rau màu				
4. Ngô xuân - Đậu tương - Ngô đông	93,33	48,88	44,45	0,91
5. Lạc - Đậu tương - Rau cải các loại	146,04	67,47	78,57	1,16
IV. Cây ăn quả				
6. Nhãn	108,00	16,70	91,30	5,46
7. Bưởi	120,00	38,12	81,88	2,14
V. Nuôi trồng thủy sản				
8. Chuyên cá	203,00	57,40	145,60	2,54

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2015

Kết quả cho thấy kiểu sử dụng đất 2 lúa vẫn là kiểu sử dụng thu hút ít lao động nhất và cho giá trị ngày công lao động thấp nhất. Kiểu sử dụng nuôi trồng thủy sản, rau màu cho hiệu

quả xã hội cao nhất với việc thu hút được nhiều công lao động và giá trị ngày công cao. Kiểu sử dụng đất cây ăn quả sử dụng ít lao động nhưng lại cho giá trị ngày công cao.

**Bảng 7. Hiệu quả xã hội của các kiểu sử dụng đất (Tinh cho 1 ha)**

Kiểu sử dụng	Lao động (Công)	GTNCLĐ (Nghìn đồng)
<b>Tiểu vùng 1</b>		
I. Chuyên lúa		
1. Lúa xuân - Lúa mùa	392	110,58
II. Lúa màu		
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	497	113,22
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai tây	558	117,50
4. Lúa xuân - Lúa mùa - Đậu tương	504	122,93
5. Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh	642	246,09
6. Lúa xuân - Lúa mùa - Su hào	614	175,14
7. Lúa xuân - Lúa mùa - Bắp cải	614	188,27
III. Chuyên Màu		
8. Bí xanh - Đổ ăn quả - Khoai tây	555	263,35
9. Cà chua - Đổ ăn quả - Su hào	583	261,42
10. Cà chua - Rau cải các loại - Súp lơ	666	292,05
11. Chuyên rau	650	278,46
IV. Cây ăn quả		
12. Nhãn	315	302,2
13. Bưởi	310	277,42
V. Nuôi trồng thủy sản		
14. Chuyên cá	480	245,00
<b>Tiểu vùng 2</b>		
I. Chuyên lúa		
1. Lúa xuân - Lúa mùa	392	104,64
II. Lúa - Màu		
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	497	108,53
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Cà chua	614	222,08
III. Chuyên màu		
4. Ngô xuân - Đậu tương - Ngô đông	377	117,90
5. Lạc - Đậu tương - Rau cải các loại	501	156,82
IV. Cây ăn quả		
6. Nhãn	300	304,33
7. Bưởi	300	272,29
V. Nuôi trồng thủy sản		
8. Chuyên cá	467	311,77

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2015

**c. Hiệu quả môi trường**

Đối với việc đánh giá hiệu quả môi trường của từng kiểu sử dụng trong nghiên cứu này chỉ đề cập đến 2 yếu tố ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình canh tác đó là sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với phương pháp cho

điểm và so sánh với lượng khuyến cáo của phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Ân Thi. Tuy nhiên, kết quả đánh giá chỉ đúng tại thời điểm hiện tại điều tra và nó có sự biến động nhanh chóng trong thời gian tới. Kết quả tổng hợp đánh giá như sau:

**Bảng 8. Hiệu quả môi trường của các kiểu sử dụng đất (Tính cho 1 ha)**

Kiểu sử dụng	Lượng phân bón (Điểm)	Thuốc bảo vệ thực vật (Điểm)	Tổng điểm
<b>Tiểu vùng 1</b>			
I. Chuyên lúa			
1. Lúa xuân - Lúa mùa	3	3	6
II. Lúa - Màu			
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	3	3	6
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai tây	3	3	6
4. Lúa xuân - Lúa mùa - Đậu tương	3	3	6
5. Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh	1	1	2
6. Lúa xuân - Lúa mùa - Su hào.	1	1	2
7. Lúa xuân - Lúa mùa - Bắp cải.	1	1	2
II. Chuyên Màu			
8. Bí xanh - Đổ ăn quả - Khoai tây.	1	1	2
9. Cà chua - Đổ ăn quả - Su hào	1	1	2
10. Cà chua - Rau cải các loại - Súp lơ	1	1	2
11. Chuyên rau khác	1	1	2
III. Cây ăn quả			
12. Nhãn	2	3	5
13. Bưởi	3	3	6
IV. Nuôi trồng thủy sản			
14. Chuyên cá	3	3	6
<b>Tiểu vùng 2</b>			
I. Chuyên lúa			
1. Lúa xuân - Lúa mùa	3	3	6
II. Lúa - Màu			
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	3	3	6
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Cà chua	1	1	2
III. Chuyên màu			
4. Ngô xuân - Đậu tương - Ngô đông	3	3	6
5. Lạc - Đậu tương - Rau cải các loại	1	1	2
IV. Cây ăn quả			
6. Nhãn	2	3	5
7. Bưởi	3	3	6
V. Nuôi trồng thủy sản			
8. Chuyên cá	3	3	6

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2015

Kết quả cho thấy hầu hết các kiểu sử dụng đất trồng rau đều sử dụng thuốc bảo vệ thực vật vượt ngưỡng khuyến cáo của địa phương nên cho hiệu quả môi trường thấp nhất như 2 lúa + rau có 2 điểm. Trong khi đó, một số kiểu sử dụng đất khác như: chuyên lúa, lúa ngô, lúa

khoai, cây ăn quả và nuôi cá đều cho hiệu quả môi trường cao, các kiểu sử dụng đất này đều sử dụng lượng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật theo khuyến cáo của phòng Nông nghiệp huyện. Cụ thể như: 2 lúa, 2 lúa + ngô cho hiệu quả cao nhất đạt 6 điểm.



**Bảng 9. Tổng hợp hiệu quả của các kiểu sử dụng đất**

Kiểu sử dụng	Hiệu quả kinh tế (Điểm)	Hiệu quả xã hội (Điểm)	Hiệu quả môi trường (Điểm)	Tổng điểm	Đánh giá chung
<b>Tiểu vùng 1</b>					
I. Chuyên lúa					
1. Lúa xuân - Lúa mùa	4	2	6	12	Trung bình
II. Lúa - Màu					
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	4	3	6	13	Trung bình
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Khoai tây	4	4	6	14	Trung bình
4. Lúa xuân - Lúa mùa - Đậu tương	3	3	6	12	Trung bình
5. Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh	9	6	2	17	Cao
6. Lúa xuân - Lúa mùa - Su hào	6	5	2	13	Trung bình
7. Lúa xuân - Lúa mùa - Bắp cải	7	5	2	14	Trung bình
III. Chuyên Màu					
8. Bí xanh - Đổ ăn quả - Khoai tây	8	6	2	16	Cao
9. Cà chua - Đổ ăn quả - Su hào	9	6	2	17	Cao
10. Cà chua - Rau cải các loại - Súp lơ	9	6	2	17	Cao
11. Chuyên rau khác	9	6	2	17	Cao
IV. Cây ăn quả					
12. Nhãn	6	4	5	15	Cao
13. Bưởi	6	4	6	16	Cao
V. Nuôi trồng thủy sản					
14. Chuyên cá	7	5	6	18	Cao
<b>Tiểu vùng 2</b>					
I. Chuyên lúa					
1. Lúa xuân - Lúa mùa	4	3	6	13	Trung bình
II. Lúa - Màu					
2. Lúa xuân - Lúa mùa - Ngô đông	4	3	6	13	Trung bình
3. Lúa xuân - Lúa mùa - Cà chua	7	4	4	15	Cao
III. Chuyên màu					
4. Ngô xuân - Đậu tương - Ngô đông	3	3	6	12	Trung bình
5. Lạc - Đậu tương - Rau cải các loại	5	3	2	10	Trung bình
IV. Cây ăn quả					
6. Nhãn	6	5	5	16	Cao
7. Bưởi	6	5	6	17	Cao
V. Nuôi trồng thủy sản					
8. Chuyên cá	8	5	6	19	Cao

Kết quả cho thấy tại vùng 1 các kiểu sử dụng đất 2 lúa + bí xanh, chuyên màu, cây ăn quả và chuyên cá cho hiệu quả chung là cao nhất. Các kiểu sử dụng đất còn lại đạt mức trung bình. Vùng 2 có 4 kiểu sử dụng đất cho

hiệu quả tổng hợp cao là 2 lúa + cà chua, cây ăn quả và chuyên cá. Các kiểu sử dụng đất còn lại là chuyên lúa, 2 lúa + ngô, ngô + đậu tương và lạc + đậu tương + rau cho hiệu quả trung bình. Qua đánh giá tổng hợp cho thấy không có kiểu

sử dụng đất nào cho hiệu quả thấp, như vậy có thể thấy hiệu quả sử dụng đất chung của huyện là khá tốt.

Qua kết quả đánh giá cho thấy, một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả cao nhưng lại ảnh hưởng xấu đến môi trường, như chuyên rau, màu, 2 lúa + rau. Như vậy, trong tương lai bên cạnh việc nâng cao giá trị sản xuất, giá trị gia tăng cần chú ý đến vấn đề sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của các kiểu sử dụng đất, nhất là cây rau trên địa bàn huyện.

### 3.4. Đề xuất một số kiểu sử dụng đất hiệu quả

Trên cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp, hiệu quả tổng hợp của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp, một số kiểu sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả cao được đề xuất phát triển trên địa bàn huyện Ân Thi như bảng 11.

Kết quả cho thấy: Ở tiểu vùng 1 hiện nay, kiểu sử dụng đất 2 lúa chiếm tỷ lệ lớn nhất, tuy nhiên khi đánh giá hiệu quả ở cả 2 tiểu vùng thì có 8 kiểu sử dụng đất có hiệu quả cao sẽ định hướng phát triển mạnh trong tương lai đó là 2 lúa + bí xanh, chuyên rau, màu, cây ăn quả và nuôi cá (tiểu vùng 1). Tiểu vùng 2, hiện nay cây lúa cũng chiếm diện tích lớn nhất, nhưng kết quả đánh giá hiệu quả cho thấy có 4 kiểu sử dụng đất cho hiệu quả cao, đó là: 2 lúa + cà chua, cây ăn quả và nuôi cá. Như vậy, 8 kiểu sử dụng đất tiểu vùng 1 và 4 kiểu sử dụng đất tiểu vùng 2, sẽ được đề xuất phát triển mạnh trên địa bàn huyện với mục đích nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao thu nhập cho người sử dụng đất. Bên cạnh việc phát triển mạnh các kiểu sử dụng đất cho hiệu quả thì diện tích đất 2 lúa cần duy trì ở mức hợp lý đáp ứng nhu cầu lương thực ổn định cho người dân địa phương.

Hiện nay, các kiểu sử dụng đất này đang phát triển mạnh, tạo ra lượng sản phẩm rau màu, cây ăn quả và cá phục vụ cho nhu cầu của các đô thị lớn như: thành phố Hưng Yên, Hà Nội và Hải Dương. Tuy nhiên, bên cạnh việc cho hiệu quả kinh tế, xã hội cao thì các kiểu này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường do sử dụng vượt mức khuyến cáo về phân hoá học

và thuốc bảo vệ thực vật như các kiểu sử dụng đất trồng rau, 2 lúa + bí xanh. Một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả kinh tế chưa cao nhưng hiệu quả môi trường cao như cây ăn quả. Như vậy, trong tương lai cần quan tâm đến sản xuất hữu cơ để có sản phẩm hàng hoá sạch cung cấp cho thị trường.

## 4. KẾT LUẬN

Huyện Ân Thi có điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội khá thuận lợi cho phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả và tăng sản lượng sản phẩm hàng hoá, như đất đai màu mỡ, gần các thành phố lớn, cơ sở hạ tầng phát triển. Trong giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá cao (11,36%), cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp, đây là điều kiện quan trọng để đầu tư vốn, khoa học kỹ thuật và phát triển sản phẩm nông nghiệp hàng hoá.

Tổng diện tích đất nông nghiệp là 9.108,15 ha với 17 kiểu sử dụng đất của 5 loại hình sử dụng đất chính là LUT chuyên lúa, LUT lúa - màu, LUT chuyên rau màu, LUT cây ăn quả và LUT nuôi trồng thuỷ sản. Một số kiểu sử dụng đất cho hiệu quả cao như: 2 lúa + bí xanh với GTGT đạt 158 triệu đồng/ha, 2 lúa + cà chua đạt 136 triệu đồng/ha, chuyên rau màu đạt từ 150 - 195 triệu đồng/ha và nuôi cá đạt từ 120 - 145 triệu đồng/ha. Bên cạnh hiệu quả kinh tế cao, các kiểu sử dụng đất phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu hiện nay của thị trường như cây nhãn, cây bưởi đang có xu hướng phát triển mạnh trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, hiệu quả cũng có sự thay đổi phụ thuộc vào giá cả, nhu cầu hàng hoá trên thị trường nên có sự thay đổi theo thời gian. Hiệu quả xã hội và môi trường sẽ có sự biến động nhanh trong thời gian tới phụ thuộc vào nhu cầu, nhận thức và mức sống của người dân.

Trên cơ sở hiệu quả, tại tiểu vùng 1 có 8 kiểu sử dụng đất được lựa chọn và đề xuất tập trung phát triển trong tương lai đó là 2 lúa + bí xanh, chuyên màu màu, cây ăn quả và nuôi cá. Tiểu vùng 2 có 4 kiểu sử dụng đất được lựa chọn và đề xuất phát triển là 2 lúa + cà chua, cây ăn quả

**Bảng 11. Đề xuất các kiểu sử dụng đất hiệu quả**

Tiểu vùng 1	Tiểu vùng 2
I. Lúa - Màu	I. Lúa - Màu
1. Lúa xuân - Lúa mùa - Bí xanh	1. Lúa xuân - Lúa mùa - Cà chua
II. Chuyên màu	II. Cây ăn quả
2. Bí xanh - Đổ ăn quả - Khoai tây	2. Nhãn
3. Cà chua - Đổ ăn quả - Su hào	3. Bưởi
4. Cà chua - Rau cải các loại - Súp lơ	III. Nuôi trồng thủy sản
5. Chuyên rau khác	4. Chuyên cá
III. Cây ăn quả	
6. Nhãn	
7. Bưởi	
IV. Nuôi trồng thủy sản	
8. Chuyên cá	

và nuôi cá. Các kiểu sử dụng đất được đề xuất là những kiểu sử dụng đất hiệu quả, có tiềm năng và thực tế cũng đang phát triển mạnh tại địa. Đây là cơ sở để định hướng sử dụng đất trong tương lai nhằm nâng cao giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp. Bên cạnh đó cũng từng bước sử dụng nhiều phân hữu cơ để tạo ra vùng nông nghiệp xanh, sạch cung cấp sản phẩm an toàn cho thị trường.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Khắc Việt Ba, Đỗ Văn Chinh, Phạm Bích Tuấn, Đỗ Văn Nhạ (2016). Thực trạng và hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tạp chí Khoa học đất, 48.

Vũ Thị Kim Cúc (2014). Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá ở thành phố Hải Phòng, Tạp chí khoa học, Trường Đại học Hải Phòng, 1(1).

Nguyễn Kim Hồng, Nguyễn Thị Bé Ba (2011). An ninh

lương thực vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trường ĐH Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí khoa học, 32.

Đỗ Văn Nhạ, Trần Thanh Toàn (2016). Đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng hàng hoá trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Tạp chí Khoa học và Phát triển, 14(5).

Nguyễn Văn Sán (2009). An Ninh lương thực quốc gia: Nhìn từ khía cạnh nông dân trồng lúa và giải pháp liên kết vùng và tham gia “4 nhà” tại vùng ĐBSCL. Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí khoa học, 12: 171-181.

Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng (2001). Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở một số nước Đông Nam Á, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 274: 60 - 69.

UBND huyện Ân Thi (2015a). Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2015 và phương hướng phát triển kinh tế xã hội năm 2016 huyện Ân Thi.

UBND huyện Ân Thi (2015b). Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Ân Thi.

UBND huyện Ân Thi (2015c). Niên giám thống kê năm 2015 huyện Ân Thi.